

Số: 23/BC-BCA

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án hình sự

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU

1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự

Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14 được Quốc hội khoá XIV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung, đối với lĩnh vực thi hành án hình sự nói riêng, thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta đối với người chấp hành án, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan; kế thừa những quy định còn phù hợp và bổ sung các quy định mới nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sau Qua 05 năm triển khai thực hiện, công tác thi hành án hình sự từng bước đi vào nền nếp, nghiêm minh, chặt chẽ, các quyền và chế độ của người chấp hành án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần phục vụ hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong giáo dục, cải tạo người phạm tội. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiến hành sửa đổi, bổ sung để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, phù hợp với điều kiện, tình hình mới, cụ thể như sau:

Một là, hoàn thiện quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trong công tác thi hành án hình sự bảo đảm tăng cường phân cấp, phân quyền

Một số quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trong công tác thi hành án hình sự trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã bộc lộ khó khăn, vướng mắc, bất cập chưa đáp ứng yêu cầu công tác thi hành án thời gian qua dẫn đến hạn chế hiệu quả công tác này, ảnh hưởng đến quyền, chế độ của người chấp hành án và thân nhân; đồng thời, còn chưa đồng bộ với quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Cụ thể như sau: (1) Lực lượng Công an xã thời gian qua đã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, giáo dục, quản lý người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng đạt hiệu quả tích cực; tuy nhiên, hiện nay lực lượng Công an chính quy đã được bố trí tại tất cả các xã, thị trấn trên cả nước và đang tiếp tục được kiện toàn, nâng cao về số lượng và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự ở cơ sở nói chung, bảo đảm trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, giáo dục, quản lý người chấp hành án hình sự tại cộng đồng nói riêng nhưng chưa được giao chủ trì thực hiện quản lý, giáo dục, giám sát người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng; (2) Chưa có quy định thẩm quyền của trại tạm giam trong trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù đang giam giữ tại trại tạm giam đi khám bệnh, chữa bệnh, trích xuất đối với người đang chấp hành hình phạt tù có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam, trại tạm giam đi tiêm chủng; chưa có quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong phối hợp với cơ quan thực hiện thủ tục khai tử để thực hiện khai tử đối với người đang chấp hành hình phạt tù chết và gửi trích lục khai tử cho cơ quan thực hiện thủ tục khai tử; (3) Chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị Quân đội trong quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; (4) Chưa quy định thẩm quyền của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong việc ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt người chấp hành án hình sự tại cộng đồng bỏ trốn; (5) Chưa có quy định thẩm quyền thu thập thông tin sinh trắc học của người đang chấp hành án hình sự trong trường hợp chưa có thông tin để phục vụ công tác quản lý thi hành án hình sự và phòng, chống tội phạm...

Hai là, hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ và chế độ của người chấp hành án

Quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyền, nghĩa vụ và chế độ của người chấp hành án còn chưa thực sự đồng bộ với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, một số quy định đã bộc lộ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện như: (1) Chưa có quy định về thời gian thực hiện thăm gặp thân nhân, thời gian thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự bằng hình thức trực tuyến trong trường hợp dịch bệnh phức tạp; chưa có quy định về thời gian thực hiện thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự...; (2) Chưa có quy định đối với trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ với lý do bệnh nặng nhưng bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị, bệnh viện cấp quân khu xác định sức khỏe của họ chưa phục hồi; (3) Luật chưa đồng bộ với quy định Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; (4) Luật chưa có quy định về thu thập thông tin về sinh trắc học của người chấp hành án trong trường hợp chưa có thông tin để phục vụ công tác quản lý thi hành án hình sự và phòng, chống tội phạm; (5) Chưa có quy định về quyền của người đang chấp hành hình phạt tù được hiến mô, bộ phận cơ thể; (6) Quy định về chế độ của người đang chấp hành hình phạt tù (lao động, ăn, nhận quà, chăm sóc y tế, trích xuất, khen thưởng, xử lý vi phạm...) có một số hạn chế, bất cập; (7) Chưa có quy định về giải quyết trường hợp người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng có nguyện vọng làm việc, học

tập ngoài nơi cư trú; (8) Chưa có quy định về nghĩa vụ của người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù...

2. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự

Theo quy định của pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, chuẩn bị báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo các nội dung:

- Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh; xác định có hay không sự phân biệt về giới tính trong chính sách, quy định và quá trình xây dựng dự án Luật;

- Dự báo tác động của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành đối với nữ và nam; đảm bảo không có sự phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù mỗi giới;

- Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam và nữ, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho các giới tính trong quá trình xây dựng dự án Luật;

- Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Theo đó, Bộ Công an đã nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, thực hiện đảm bảo đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc thực hiện trình tự, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, bao gồm:

- Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979;

- Hiến pháp năm 2013;

- Luật Bình đẳng giới năm 2006;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

- Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới;

- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm

pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024.

- Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Công an đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, qua rà soát nội dung của dự án Luật cho thấy các quy định trong Luật đã đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc bình đẳng giới; trong đó, tiếp tục kế thừa các nội dung bình đẳng giới trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Về chế độ quản lý giam giữ người đang chấp hành hình phạt tù, trong quá trình giáo dục, cải tạo người đang chấp hành hình phạt tù, các trại giam, trại tạm giam đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản lý giam giữ người đang chấp hành hình phạt tù, người đang chấp hành hình phạt tù là nữ, người đang chấp hành hình phạt tù là người chưa thành niên được giam giữ tại các buồng, khu giam giữ riêng... Bên cạnh đó, các buồng giam phải bảo đảm các điều kiện về không gian, ánh sáng, diện tích tối thiểu và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật...;

- Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực ăn, mặc, ở, chăm sóc y tế cho người đang chấp hành hình phạt tù: Bổ sung quy định về thẩm quyền của trại tạm giam trong việc ra quyết định trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam phải đưa đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài trại giam, trại tạm giam, tiêm chủng; người đang chấp hành hình phạt tù được nhận các loại thuốc chữa bệnh, thuốc bổ theo chỉ định của bác sĩ, y sĩ tại cơ sở giam giữ người đang chấp hành hình phạt tù hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước nơi đã được khám và điều trị bệnh khi được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ; bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức bếp ăn cho người đang chấp hành hình phạt tù bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đúng định lượng;

- Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động cho người đang chấp hành hình phạt tù: Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ lao động của người đang chấp hành hình phạt tù, tổ chức lao động cho người đang chấp hành hình phạt tù và sử dụng kết quả lao động của người đang chấp hành hình phạt tù;

- Bảo đảm chính sách ưu tiên, nhân đạo đối với người đang chấp hành hình phạt tù nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi: Bổ sung quy định về thẩm quyền của giám thị trại giam, trại tạm giam trong việc ra quyết định trích

xuất người đang chấp hành hình phạt tù có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam phải đưa đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài trại giam, trại tạm giam, tiêm chủng. Phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi đang chấp hành hình phạt.

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI KHI TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Thực hiện quy định Luật Bình đẳng giới và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, công tác triển khai thi hành quy định về bình đẳng giới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự sau khi được thông qua được đảm bảo, cụ thể: Hệ thống tổ chức cơ quan thi hành án hình sự đảm bảo kinh phí, vật chất đảm bảo chế độ ăn, mặc, ở, chế độ sinh hoạt tinh thần, chăm sóc y tế đối với người đang chấp hành án phạt tù.

Việc thực hiện chế độ đối với người đang chấp hành án phạt tù là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; chế độ gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự theo quy định. Người đang chấp hành án phạt tù là phụ nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi được cơ sở giam giữ bố trí nơi giam giữ hợp lý, được khám thai, chăm sóc y tế, hưởng chế độ ăn uống bảo đảm sức khỏe. Nếu sinh con thì được đảm bảo tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y, bác sĩ, được cấp thực phẩm, đồ dùng, thuốc cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh, được đảm bảo thời gian cho con bú trong thời gian nuôi con bằng sữa mẹ. Đối với con của người đang chấp hành hình phạt tù dưới 36 tháng tuổi, các cơ sở giam giữ, tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chế độ chăm sóc y tế bảo đảm đúng quy định.

IV. KẾT LUẬN

Từ những đánh giá nêu trên, có thể thấy rằng, khi quy định các chính sách trong dự án Luật, Bộ Công an đã quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới, không phân biệt, đối xử, đảm bảo quyền lợi bình đẳng cho nam và nữ như nhau theo quy định của pháp luật; đồng thời đảm bảo chế độ hỗ trợ cho các đối tượng đặc thù là phụ nữ mang thai, đang nuôi con nhỏ; trẻ em...

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)./.*h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn
Trưởng Nguyễn Ngọc Lâm

BÁO CÁO**Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án**
Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (sau đây gọi là dự án Luật).

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU**1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật**

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thống nhất tổ chức, triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác tạm giữ, tạm giam. Luật đã quy định nhiều nội dung mới quan trọng nhằm thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp; đồng thời, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự; đánh dấu bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về an ninh, trật tự nói riêng; đáp ứng yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sau hơn 06 năm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam đã bộc lộ một số khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng tốt nhất yêu cầu công tác tạm giữ, tạm giam đã ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả công tác này, cụ thể: (1) Các quy định về chế độ quản lý giam giữ và chế độ giam giữ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc (chưa có quy định về: Chuyển giao người bị bắt theo quyết định truy nã cho cơ quan đã ra quyết định truy nã; về chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù...); (2) Luật chưa có các quy định mang tính nguyên tắc về điều kiện đảm bảo đối với công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; (3) Chưa có quy định về thẩm quyền của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh trong điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ các buồng tạm giữ của đồn Biên phòng đến các cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân...

Ngoài những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quá trình triển khai thi hành Luật nêu trên, qua thực tiễn đặt ra một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung các chế định ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật trong

mọi lĩnh vực của đời sống, xã hội; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại gắn với công tác chuyển đổi số, đổi mới và nâng cao, chất lượng, hiệu quả.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành quy định biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú còn phát sinh một số bất cập như: Chưa có trình tự, thủ tục thi hành biện pháp này kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; chưa áp dụng các ứng dụng khoa học, công nghệ để theo dõi, quản lý.

Việc sửa đổi Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ - thông tin trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người thi hành tạm giữ, tạm giam, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành.

2. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật

Theo quy định của pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, chuẩn bị báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo các nội dung:

- Xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh; xác định có hay không sự phân biệt về giới tính trong chính sách, quy định và quá trình xây dựng dự án Luật;

- Dự báo tác động của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành đối với nữ và nam; đảm bảo không có sự phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù mỗi giới;

- Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam và nữ, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho các giới tính trong quá trình xây dựng dự án Luật;

- Xác định trách nhiệm và nguồn lực để giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Theo đó, Bộ Công an đã nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, thực hiện đảm bảo đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Việc thực hiện trình tự, thủ tục lồng ghép bình đẳng giới trong dự án Luật

Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, bao gồm:

- Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979;
- Hiến pháp năm 2013;
- Luật Bình đẳng giới năm 2006;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới;
- Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Công an đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó đặc biệt đảm bảo các quy định sau:

- Điều 26 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới*”; “*Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội*”; “*Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới*”.

- Khoản 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới quy định: “*Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó*”;

- Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Luật Bình đẳng giới quy định: “*Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội-ngành nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức*”;

- Khoản 1 Điều 12 Luật Bình đẳng giới quy định: “*Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động*”;

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Luật Bình đẳng giới quy định: “*Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác; nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh*”;

- Tuân thủ nguyên tắc bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Bảo đảm sự tham gia đóng góp ý kiến của cá nhân, cơ quan, tổ chức bằng nhiều hình thức khác nhau, như: Bằng văn bản đối với các bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia; đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Công an theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, qua rà soát nội dung của dự án Luật cho thấy các quy định trong Luật đã đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc bình đẳng giới, trong đó đảm bảo bình đẳng giới trong việc thực hiện các biện pháp tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, đặc biệt trong thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Ngoài ra, các quy định, chính sách khác trong dự án Luật không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi giới, nên các quy định được áp dụng chung cho các đối tượng, không mang tính phân biệt đối xử về giới. Ngoài ra, để thực hiện tốt hơn việc đảm bảo quyền lợi của nhóm đối tượng người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nội dung của dự thảo Luật có nhấn mạnh hơn về quyền lợi của nhóm đối tượng này, cụ thể là:

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã quy định 01 Chương riêng về chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi để đảm bảo chế độ đối với đối tượng này. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành quy định của Luật nhận thấy còn khó khăn, vướng mắc chưa phù hợp với thực tiễn do chưa có quy định về định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi là đối tượng cần có chế độ dinh dưỡng đặc thù. Do

đó, Điều 31 dự thảo Luật bổ sung quy định về định mức ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Ngoài ra, dự thảo Luật đã bổ sung các quy định đảm bảo chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam. Các quy định này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi giới, nên các quy định được áp dụng chung cho các đối tượng, không mang tính phân biệt đối xử về giới; cụ thể:

Chương III: Chế độ quản lý giam giữ

Tại Điều 12, sửa đổi, bổ sung quy định Việc kiểm tra thân thể người bị tạm giữ, người bị tạm giam là nam giới do cán bộ nam thực hiện, nữ giới do cán bộ nữ thực hiện và được tiến hành ở nơi kín đáo. Trường hợp chưa xác định được giới tính của người bị tạm giữ, người bị tạm giam thì việc kiểm tra thân thể giao cho cán bộ y tế.

Chương IV: Chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

1. Tại Điều 23:

- Bổ sung quy định ngoài tiêu chuẩn ăn theo quy định, người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng tiền gửi lưu ký để ăn thêm.

- Bổ sung quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam được nhận tiền của thân nhân.

- Bổ sung quy định cơ sở giam giữ tổ chức căng tin, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về danh mục hàng hóa và giá bán trong căng tin.

2. Tại Điều 25 sửa đổi, bổ sung quy định về gửi, nhận thư, sách báo tài liệu của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

3. Tại Điều 26:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc y tế và phòng chống dịch bệnh cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

4. Tại Điều 27 bổ sung quy định về cấp báo cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam và người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng kinh sách và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Chương VI: Chế độ đối với người bị kết án tử hình đang bị tạm giam

Tại Điều 37:

- Bổ sung quy định về việc gửi, nhận thư, sách, báo, tài liệu của người bị kết án tử hình và trách nhiệm của cơ sở giam giữ trong việc thực hiện các quyền của người bị kết án tử hình.

- Bổ sung quy định về ưu tiên ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong quản lý giam giữ đối với người thi hành án tử hình đảm bảo tuyệt đối an ninh an toàn.

Theo quy định nêu trên, việc thực hiện các chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam được quy định trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của các đối tượng về giới tính, độ tuổi và đặc điểm cá nhân, tình trạng sức khỏe của họ. Như vậy, việc thực hiện các quy định nêu trên được dự thảo Luật quy định theo hướng đảm bảo phù hợp với các đối tượng (phụ nữ, nam giới, hoặc những người có đặc thù về giới tính như: người đồng tính, song tính, chuyển giới), độ tuổi và đặc điểm cá nhân và tình trạng sức khỏe (như phụ nữ mang thai, đang nuôi con nhỏ,...).

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI KHI TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT

Thực hiện quy định Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, công tác triển khai thi hành quy định của Luật được đảm bảo, cụ thể: Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam; cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam bao gồm 78 trại tạm giam, 720 nhà tạm giữ, 247 buồng tạm giữ; kinh phí, vật chất đảm bảo chế độ ăn, mặc, ở, chế độ sinh hoạt tinh thần, chăm sóc y tế đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Việc thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; chế độ gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự theo quy định. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi được cơ sở giam giữ bố trí nơi giam giữ hợp lý, được khám thai, chăm sóc y tế, hưởng chế độ ăn uống đảm bảo sức khỏe. Nếu sinh con thì được đảm bảo tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y, bác sỹ, được cấp thực phẩm, đồ dùng thuốc men cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh, được đảm bảo thời gian cho con bú trong thời gian nuôi con bằng sữa mẹ. Đối với con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam dưới 36 tháng tuổi, các cơ sở giam giữ, tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chế độ chăm sóc y tế đúng quy định.

Dự án Luật dự kiến bổ sung các quy định chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, quy định về định mức ăn của người bị tạm giữ người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi sẽ không làm phát sinh hệ thống tổ chức cơ quan quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam; cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam, cơ sở vật chất để triển khai thi hành. Do đó, không có yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới khi triển khai thi hành các quy định của dự án Luật.

IV. KẾT LUẬN

Từ những đánh giá nêu trên, có thể thấy rằng, khi quy định các chính sách trong dự án Luật, Bộ Công an đã quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới, không phân biệt, đối xử, đảm bảo quyền lợi bình đẳng cho nam và nữ như nhau theo quy định của pháp luật; đồng thời đảm bảo chế độ hỗ trợ cho các nạn nhân đặc thù là phụ nữ mang thai, đang nuôi con nhỏ; trẻ em;...

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03 (P2).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Ngọc Lâm

Trung tướng Nguyễn Ngọc Lâm